

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN ĐỊNH QUÁN  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2021/HNGĐ-ST  
Ngày: 28 - 4 - 2021.  
V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi  
con khi ly hôn”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỊNH QUÁN, TỈNH ĐỒNG NAI**

***Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Mai Văn Lợi**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Trần Quang Thuận**.

2. Ông **Hoàng Văn Đông**.

***Thư ký phiên tòa:*** Bà **Trần Thùy Trang** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Định Quán.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Định Quán tham gia phiên tòa:***  
Ông **Vũ Văn Hội** – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2021, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 38/2021/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 01 năm 2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Lê Thị H** – sinh năm: 1982.

Địa chỉ: Số 18/1, ấp 4, xã PN, huyện ĐQ, tỉnh Đồng Nai.

Bị đơn: Anh **Huỳnh L** – sinh năm: 1982.

Địa chỉ: Số 18/1, ấp 4, xã PN, huyện ĐQ, tỉnh Đồng Nai.

*(chị H và anh L có đơn xin xét xử vắng mặt)*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Lê Thị H trình bày:***

Chị và anh Huỳnh L tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2005 và được Ủy ban nhân dân xã PN cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 03/4/2006. Vợ chồng sống chung hạnh phúc đến đầu năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hòa hợp, thường xuyên bất đồng quan điểm. Do đó trong cuộc sống chung vợ chồng thường xuyên cãi vã, xô xát nhau. Từ tháng 10/2020 đến nay, vợ chồng sống ly thân nhau. Nay tình cảm không còn nên chị yêu cầu ly hôn với anh Huỳnh L.

Về con chung: Chị và anh L có 01 con chung là Huỳnh Lê H1 – sinh ngày: 02/10/2008.

Chị đồng ý giao con chung cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng và chị không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị và anh L tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

*Tại biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 29/3/2021, bị đơn anh Huỳnh L trình bày:*

Anh và chị Lê Thị H tự nguyện tìm hiểu đi đến hôn nhân và được Ủy ban nhân dân xã PN cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 03/4/2006. Trong cuộc sống chung vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn nhỏ. Nguyên nhân là do vấn đề tiền bạc nên anh có lớn tiếng hăm dọa chị H nhưng không đánh đập chị H. Mâu thuẫn vợ chồng có được bố mẹ hai bên và hàng xóm hòa giải nhưng vẫn không tìm được tiếng nói chung. Từ trước Tết năm 2020 (thời gian cụ thể thì anh không nhớ), anh và chị H tuy sống chung nhà nhưng không còn sinh hoạt vợ chồng chung nữa. Nay chị H yêu cầu ly hôn thì anh không đồng ý vì anh vẫn còn thương yêu vợ con, không muốn vợ chồng tan vỡ. Trong trường hợp chị H vẫn cương quyết ly hôn thì anh cũng mặc kệ.

Về con chung: Anh và chị H có 01 con chung là Huỳnh Lê H1 – sinh ngày: 02/10/2008.

Hiện nay, cháu H1 đang sống cùng vợ chồng anh chị.

Trong trường hợp Tòa án giải quyết cho anh và chị H ly hôn, anh yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng cháu H1 và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh và chị H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, chị H đã giao nộp những tài liệu, chứng cứ sau: CMND của chị H (bản sao); Sổ hộ khẩu của chị H và anh L (bản sao); Giấy chứng nhận kết hôn (bản chính); Giấy khai sinh của con chung (bản sao); Bản tự khai ngày 26/01/2021 của chị Lê Thị H (bản chính). Anh L đã giao nộp những tài liệu, chứng cứ sau: Đơn xin vắng mặt ngày 07/4/2021 của anh Huỳnh L (bản chính); Để giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ sau: Biên bản ghi nhận nguyện vọng của con chung của cháu Huỳnh Lê H1; 03 Biên bản xác minh ngày 29/3/2021; Biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 29/3/2021 đối với anh Huỳnh L.

Các tài liệu, chứng cứ này Tòa án đã ra thông báo cho các bên đương sự biết đồng thời tiến hành mở phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và ra thông báo kết quả về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho những người vắng mặt theo đúng quy định của pháp luật.

*Ý kiến của Kiểm sát viên:*

- Về việc tuân theo pháp luật: Từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm trước khi nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Do các đương sự có đơn xin xét xử vắng nên

Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định pháp luật.

- Về nội dung vụ án:

+ Về quan hệ hôn nhân: Xét vợ chồng chị H và anh L đã xảy ra mâu thuẫn, không hòa giải đoàn tụ được. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị H, cho chị Lê Thị H được ly hôn với anh Huỳnh L.

+ Về con chung: Đề nghị giao 01 con chung là Huỳnh Lê H1 – sinh ngày: 02/10/2008 cho anh Huỳnh L trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm thời chị Lê Thị H không phải cấp dưỡng nuôi con do anh L không yêu cầu.

+ Về tài sản chung: Chị H và anh L tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

+ Về nợ chung: Chị H và anh L kê khai không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

+ Về án phí: Đề nghị buộc chị Lê Thị H phải chịu 300.000đ án phí DSST về ly hôn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về áp dụng pháp luật tố tụng: Nguyên đơn chị Lê Thị H khởi kiện yêu cầu ly hôn, giải quyết việc nuôi dưỡng con chung đối với bị đơn anh Huỳnh L. Anh L đang cư trú tại huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự xác định quan hệ tranh chấp trong vụ kiện này là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai.

Chị Lê Thị H và anh Huỳnh L là các đương sự trong vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến Tòa án để tham gia phiên tòa nhưng chị H và anh L có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành mở phiên tòa xét xử vắng mặt chị H và anh L.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh L tự nguyện sống chung với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã PN vào ngày 03/4/2006. Như vậy hôn nhân của anh chị là hợp pháp theo quy định tại Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000. Nay chị H yêu cầu ly hôn với anh L thì Tòa án áp dụng các Điều 85, 89, 91 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 để giải quyết.

Chị H yêu cầu ly hôn do tính tình vợ chồng không hòa hợp, thường xuyên bất đồng quan điểm. Cuộc sống chung vợ chồng thường xuyên cãi vã, xô xát nhau. Anh L không đồng ý ly hôn vì còn thương yêu vợ, con. Tuy nhiên, anh L cũng thừa nhận trong cuộc sống chung có xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. Từ cuối năm 2020, anh chị tuy sống cùng nhà nhưng không còn sinh hoạt vợ chồng chung.

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã nhiều lần tiến hành triệu tập anh L đến Tòa án để hòa giải nhưng anh L không đến để làm việc. Điều này thể hiện ý chí của anh L không muốn hàn gắn, đoàn tụ. Đồng thời qua xác minh tại địa phương thể hiện đời sống chung của vợ chồng anh chị không hạnh phúc (bút lục 22 – 24).

Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã phát sinh kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy để chị H có điều kiện ổn định cuộc sống của mình nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện chị H là cho chị được ly hôn với anh L là đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

[3]. Về con chung: Chị H và anh L có 01 con chung là Huỳnh Lê H1 – sinh ngày: 02/10/2008.

Chị H đồng ý giao con chung cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng. Anh L cũng yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Xét thấy, anh L có đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Bản thân cháu H1 có nguyện vọng sống cùng anh L. Vì vậy để tránh xáo trộn cuộc sống của con chung nên tiếp tục giao con chung cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tạm thời chị H không phải cấp dưỡng nuôi con do anh L không yêu cầu.

[4]. Về tài sản chung: Chị H và anh L tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về nợ chung: Chị H và anh L kê khai không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. Về án phí: Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội thì chị Lê Thị H chịu 300.000đ án phí DSST về ly hôn.

[7]. Xét quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, do đó được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên:*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Căn cứ:**

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 235 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Các Điều 11, 85, 89, 91 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000;
- Các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 131 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

**Tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị H.

Cho chị Lê Thị H được ly hôn anh Huỳnh L.

2. Về con chung: Chị H và anh L có 01 con chung là Huỳnh Lê H1 – sinh ngày: 02/10/2008.

Giao con chung cho anh Huỳnh L trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm thời chị Lê Thị H không phải cấp dưỡng nuôi con. Chị H có quyền qua lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được gây trở ngại. Vì lợi ích của con chung các bên đương sự được quyền xin thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Chị H và anh L tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

4. Về nợ chung: Chị H và anh L kê khai không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

5. Về án phí: Chị Lê Thị H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí DSST về ly hôn. Số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) chị H đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai thu số 0005661 ngày 19 tháng 01 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai chuyển thành án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Chị H và anh L có quyền có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

7. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện Định Quán;
- Chi cục THADS huyện Định Quán;
- Ủy ban nhân dân xã PN: Để ghi vào sổ hộ tịch (Giấy CNKH số 39, cấp ngày 03/4/2006);
- Các đương sự;
- Lưu HS – LT.

**THAY MẶT HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Mai Văn Lợi**